TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 108 /2021/HNGĐ- ST Ngày: 21-9-2021 V/v Ly hôn và nuôi con chung.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lập Tiến và ông Lê Phúc Tiếng.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Toà án nH dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Trần Tố Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 379/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 về việc ly hôn; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:122/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2021/QĐHPT ngày 24 tháng 8 năm 2021 và Thông báo thời gian, địa điểm mở phiên tòa số: 17/2021/TB – HNGĐ ngày 13/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kim A, sinh năm 1987 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim A trình bày:

Bà Huỳnh Thị Kim A và ông Nguyễn Văn V tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và sống chung từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B vào ngày 10/10/2012.

Sống chung hạnh phúc một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không có hạnh phúc, ông V không lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu, bài bạc nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau và xảy ra bạo lực gia đình, mâu thuẫn đã đến

mức trầm trọng nên bà Kim A có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

Về con chung: Trong quá trình sống chung bà A và ông V có 02 con chung là cháu: Nguyễn Gia B, sinh ngày 15/12/2012 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 21/10/2015, các con chung đang do bà A trực tiếp nuôi dưỡng, bà A làm công nhân thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung còn ông V là người khuyết tật không đi đứng được, không có công việc và thu nhập ổn định, nên không đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung nên bà A xin nuôi cả hai con chung đến tuổi trưởng thành, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/7/2021 bị đơn ông Nguyễn Văn V thừa nhận ông và bà Huỳnh Thị Kim A chung sống từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B vào ngày 10/10/2012.

Quá trình chung sống đến tháng 3/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về kinh tế gia đình nên có xảy ra xô xát, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên bà Kim A đã chuyển ra ngoài ở trọ và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, nay bà A xin ly hôn ông có nguyện vọng xin được đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Trong quá trình sống chung bà A và ông V có 02 con chung là: Nguyễn Gia B, sinh ngày 15/12/2012 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 21/10/2015, các con chung đang do bà A trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng vẫn qua lại giữa phòng trọ và nhà ông và ông vẫn chăm lo cho con cái tạo điều kiện cho bà A đi làm, trường hợp Tòa án giải quyết việc ly hôn thì ông có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng một con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, hiện nay ông V bán vé số thu nhập khoảng 2.000.000đ/ tháng nhưng có người nhà phụ giúp nên đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng ông V vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nH dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nH và gia đình năm 2014;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kim A.

Về quan hệ hôn nH: Chị Huỳnh Thị Kim A được ly hôn A Nguyễn Văn V.

Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 15/12/2012 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 21/10/2015 cho chị Huỳnh Thị Kim A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Anh Nguyễn Văn V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị Kim A và anh Nguyễn Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn A Nguyễn Văn V cư trú tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn A Nguyễn Văn V vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử yêu cầu khởi kiện của chị A là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của chị Huỳnh Thị Kim A xin ly hôn A Nguyễn Văn V. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị A và A V tự nguyện chung sống chung sống từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố Buôn Ma Thuột vào ngày 10/10/2012 nên đây là quan hệ hôn nH hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của đương sự; theo chị A trình bày: Vợ chồng sống chung hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không có hạnh phúc, A V không lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu và bài bạc nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau và xảy ra bạo lực gia đình, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên bà Kim A có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn V; Quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành lấy lời khai, bị đơn ông V thừa nhận quá trình chung sống đến tháng 3/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nH mâu thuẫn là do vợ

chồng bất đồng quan điểm, về kinh tế gia đình nên có xảy ra xô xát, mâu thuẫn trầm trọng nên bà Kim A đã chuyển ra ngoài ở trọ và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, nay bà A xin ly hôn ông có nguyện vọng xin được đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành xác minh và tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng ông V vắng mặt không đến Tòa tham gia tố tụng để hòa giải, hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Kết quả xác minh tại địa phương xác định: Quá trình chung sống vợ chồng bà A, ông V phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm có xảy ra cãi vã, xô xát nhau đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành, hiện nay bà A, ông V đã sống ly thân.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông V, bà A đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn ông Nguyễn Văn V của bà Huỳnh Thị Kim A là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà A, ông V có hai con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 15/12/2012 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 21/10/2015, hiện nay các con chung đang do chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chị A có nghề nghiệp, thu nhập ổn định đảm B điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung còn anh V bị khuyết tật, không có công việc ổn định và thu nhập không đảm B, mặt khác con chung trên bảy tuổi cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ nên để đảm B việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung cần giao cả hai con chung cho chị Huỳnh Thị Kim A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; .

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A, anh V không yêu cầu nên Tòa án giải quyết là tự nguyện .

Anh Nguyễn Văn V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị A và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết là tự nguyện cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Văn V không phải chịu án phí DSST.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nH và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kim A.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Kim A được ly hôn A Nguyễn Văn V.

Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 15/12/2012 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 21/10/2015 cho chị Huỳnh Thị Kim A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A, A V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

A Nguyễn Văn V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị Kim A và A Nguyễn Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nH gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Kim A phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí chị A đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0004082 ngày 19/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, Đắk Lắk.

Anh Nguyễn Văn V không phải chịu tiền án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh, Tp. BMT;
-THADS Tp. B;
- UBND xã H;
-Đương sự.
-Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt